

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA KIỂM SÁT VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ

*Nguyễn Thị Hương**

Địa vị pháp lý của kiểm sát viên được hiểu là năng lực chủ thể cũng như tổng hợp các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật trao cho kiểm sát viên khi họ thực hiện các hoạt động nhân danh Viện kiểm sát. Khi thực hiện các nhiệm vụ được giao tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, kiểm sát viên tham gia vào nhiều mối quan hệ với các chủ thể khác nhau như Hội đồng xét xử, Luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự điều chỉnh các quan hệ nói trên là nhằm đảm bảo hoạt động của kiểm sát viên đạt hiệu quả cao nhất đồng thời góp phần vào việc bảo vệ trật tự xã hội và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trong thời gian qua, việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong xét xử các vụ án hình sự ở nước ta đã đạt được những kết quả đáng kể góp phần đắc lực vào đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ lợi ích của xã hội, quyền tự do, dân chủ của công dân. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế thì hoạt động của Viện kiểm sát trong lĩnh vực này vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Một trong những nguyên nhân là do chính sách hình sự, các quy định pháp luật về tố tụng hình sự có nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung. Trong việc hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là các quy định pháp luật về tố tụng hình sự, Nghị quyết số 49 ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã chỉ rõ “...tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và

quyết định tố tụng của mình”. Với mục đích hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong xét xử sơ thẩm hình sự - một giai đoạn quan trọng của tố tụng hình sự, bài viết đề cập tới vai trò của pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, đánh giá thực trạng của những quy định đó và đưa ra những giải pháp cơ bản.

1) Vai trò của pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

- Pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng xét xử các vụ án hình sự.

Nếu như luật hình sự được coi là bộ phận của pháp luật công thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước Nhà nước, chính vì vậy việc truy cứu trách nhiệm hình sự phải do Nhà nước thực hiện. Ở các quốc gia, việc thực hành quyền công tố là chức năng của các kiểm sát viên hoặc các công tố viên. Tuy nhiên, thực hành quyền công tố như thế nào, với phạm vi đến đâu thì không phải pháp luật của các quốc gia đều giống nhau. Thậm chí pháp luật của mỗi nước, trong từng thời kỳ khác nhau cũng xác định nội dung thực hành quyền công tố khác nhau. Việc xác định địa vị pháp lý của kiểm sát viên không bám sát các căn cứ khoa học hoặc không phù hợp với tình hình thực tiễn sẽ dẫn đến hoạt động xét xử không mang lại hiệu quả cao, thậm chí có thể xảy ra tình trạng để lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Đánh giá về công tác tư pháp trong thời gian thi hành Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 1988, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng: “chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu, đòi hỏi

* Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Giang

của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và cơ quan tư pháp”. Với thực trạng như vậy, Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh: “Nâng cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác... Việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra các bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục cao”. Quan điểm này được khẳng định lại trong Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005: “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”.

Như vậy, chủ trương cải cách tư pháp trong thời gian tới là tiếp thu những yếu tố hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng vào việc giải quyết các vụ án hình sự ở nước ta vốn được coi là nghiêng nhiều về mô hình thẩm vấn. Một trong những điểm khác biệt quan trọng nhất giữa hai mô hình tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn chính là vai trò và quyền hạn của người giữ quyền công tố tại phiên tòa. Tại phiên tòa, người giữ quyền công tố có tham gia tích cực vào việc tranh luận để tìm ra sự thực của vụ án hay chủ yếu nhường vai trò đó cho thẩm phán xét xử là những yếu tố khác biệt cơ bản của hai hệ tố tụng nêu trên. Chính vì vậy, để thực hiện chủ trương mở rộng tranh tụng thì một trong những khâu quan trọng nhất là phải thực hiện việc thay đổi quyền, nghĩa vụ cũng như phạm vi hoạt động của kiểm sát viên tại phiên tòa. Chẳng hạn như phải quy định cơ chế để kiểm sát viên chủ động tham gia vào quá trình xét hỏi trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự. Bên cạnh đó cần thu hẹp những quyền hạn của kiểm sát viên theo hướng đảm bảo sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội tại

phiên tòa sơ thẩm hình sự. Như vậy, nếu không có sự thay đổi các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự thì sẽ không thể thực hiện được chủ trương tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng nhằm khắc phục những nhược điểm vốn có của mô hình tố tụng thẩm vấn. Mục đích cuối cùng của hoạt động này là làm cho chất lượng và hiệu quả xét xử các vụ án hình sự ngày càng được nâng cao, bảo đảm xét xử khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội.

- Pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động của kiểm sát viên trong xét xử các vụ án hình sự đồng thời góp phần xác định phân loại trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của kiểm sát viên.

Kiểm sát viên là người nhân danh nhà nước, thực hiện một số quyền được nhà nước giao. Nếu như coi việc nâng cao chất lượng xét xử là khâu đột phá trong hoạt động cải cách tư pháp thì cần phải có một cơ sở pháp lý xác định rõ ràng nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm sát viên khi tham gia các phiên tòa hình sự. Thực tế cho thấy, khi pháp luật đã tạo ra cơ sở pháp lý cho kiểm sát viên thực hiện hoạt động nghề nghiệp của mình trong các phiên tòa sơ thẩm hình sự mà kiểm sát viên không thực hiện được thì sẽ là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người kiểm sát viên đó. Chẳng hạn, trong điều kiện mở rộng tranh tụng như hiện nay thì phiên tòa được coi là một cuộc điều tra công khai, vì thế sẽ có những tình tiết mới xuất hiện sau phần xét hỏi. Điều này đòi hỏi bản thân kiểm sát viên phải biết đặt câu hỏi để xác minh sự thật của vụ án và thực hiện luận tội một cách chặt chẽ, thuyết phục. Tuy nhiên, trong thực tế không ít các kiểm sát viên không quan tâm đến kết quả của phần xét hỏi nên đã chuẩn bị trước một văn bản viết sẵn khi tranh tụng. Điều đó dẫn đến những trường hợp rất nực cười như “khi ra tòa bị cáo đã nhận tội, trước phiên tòa gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hay toàn bộ hậu quả do tội phạm gây ra... nhưng kiểm sát viên vẫn cho rằng bị cáo là người ngoan cố, không có những hành vi và

việc làm cụ thể nhằm làm giảm bớt thiệt hại do tội phạm gây ra hoặc cố tình không khắc phục hậu quả¹. Hoặc trong những trường hợp khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ tranh luận của kiểm sát tại phiên tòa, nhiều kiểm sát viên có tâm lý ngại tranh luận dẫn đến hiện tượng “bảo lưu” quan điểm, không tranh luận sau ý kiến phát biểu hoặc đề nghị của luật sư, thậm chí thay vì tranh luận về nội dung thì quay sang bắt bẻ câu chữ của luật sư hoặc nêu quan điểm về cá nhân luật sư². Những dẫn chứng trên chứng tỏ rằng trình độ và kỹ năng nghề nghiệp của kiểm sát viên còn yếu. Nhận thức được vấn đề này sẽ giúp cho ngành kiểm sát có được những chiến lược đào tạo kiểm sát viên trong thời gian tới.

2) Nhận xét chung về các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự chúng ta có thể rút ra những nhận xét sau đây:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về vị trí pháp lý của kiểm sát viên đã được thể hiện rõ ràng và đồng bộ. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn của kiểm sát viên được nâng cao theo hướng kiểm sát viên phải có trình độ cử nhân luật trở lên và đã qua khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát thể hiện sự nâng cao vai trò cũng như trách nhiệm của kiểm sát viên khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ được nhà nước giao. Đây cũng chính là những bước đi đầu tiên nhằm thực hiện lộ trình mở rộng tranh tụng trong hoạt động xét xử hình sự ở nước ta trong thời gian tới.

Thứ hai, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 đã nâng cao tính chủ động của kiểm sát viên theo hướng đẩy mạnh tranh tụng tại phiên tòa. Công tác xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa không chỉ là quyền mà còn

là nghĩa vụ của kiểm sát viên. Việc luận tội dựa vào văn bản viết sẵn đã được khắc phục thông qua yêu cầu của pháp luật đối với kiểm sát viên. Đó là việc luận tội phải dựa trên những chứng cứ và ý kiến thu thập được qua quá trình xét hỏi tại tòa. Như vậy, pháp luật đã xác định đúng hơn vị trí của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự. Đó là vị trí của bên buộc tội nhân danh nhà nước. Đồng thời, pháp luật cũng đặt ra những yêu cầu và đòi hỏi cao hơn đối với kiểm sát viên khi họ thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, qua việc nghiên cứu pháp luật thực định về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự cho thấy rằng một số quy định của pháp luật trong lĩnh vực này còn một số bất cập như sau:

Một là, tính thiếu nhất quán của pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, thể hiện rõ nét nhất ở việc quy định nhiệm vụ kiểm sát các hoạt động tư pháp của kiểm sát viên. Kiểm sát hoạt động tư pháp và kiểm sát việc tuân theo pháp luật là hai khái niệm khác nhau. Điểm khác nhau trước hết là ở chủ thể thực hiện hai hoạt động này. Theo tinh thần của “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” thì cơ quan tư pháp chỉ bao gồm tòa án và một số cơ quan khác mà việc thực hiện chức năng của chúng có liên quan đến hoạt động xét xử của tòa án như luật sư, công chứng, giám định tư pháp..., chứ không phải là tất cả các chủ thể tham gia vào các hoạt động mang tính chất tư pháp như điều tra, truy tố, xét xử. Như vậy, tiêu chí nhất quán để đánh giá về tính hoàn thiện chưa được thực hiện.

Tính thiếu nhất quán trong lĩnh vực pháp luật này còn được thể hiện ở chỗ pháp luật không thể hiện đúng ý chí của nhà làm luật. Mặc dù nội dung các quy định của pháp luật cho thấy rằng hoạt động kiểm sát của kiểm sát viên tại phiên tòa được hiểu là kiểm sát việc thực hiện pháp luật nhưng pháp luật lại quy định là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử.

¹ Phạm Hồng Hải (2006). Thực trạng tranh tụng trong phiên tòa hình sự của kiểm sát viên dưới góc nhìn của luật sư, Tạp chí Kiểm sát (8).

² Phan Trung Hoài (2006). Tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa, nhìn từ khía cạnh luật sư, Tạp chí Kiểm sát (8), trang 22.

Hai là, một số quy định của pháp luật về chức năng của Viện kiểm sát chưa phù hợp với thực tế về tổ chức bộ máy nhà nước và định hướng cải cách tư pháp trong thời gian tới. Quy định của pháp luật hiện hành đã sửa đổi theo hướng kiểm sát viên không thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật (kiểm sát chung) nữa mà thay vào đó là kiểm sát các hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát và được cụ thể hóa bằng hoạt động của kiểm sát viên trùng với chức năng của một số chủ thể tham gia tố tụng khác như Hội đồng xét xử, người bào chữa, giám định tư pháp, thậm chí cả bị cáo. Ngoài ra, quyền kháng nghị các bản án, quyết định của tòa án không thuộc về tất cả các kiểm sát viên mà chỉ do Viện trưởng Viện kiểm sát thực hiện. Điều đó cho thấy rằng những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của kiểm sát viên khi kiểm sát các hoạt động tư pháp còn mang tính hình thức và ít khả thi trên thực tế.

Bên cạnh đó, một số chức năng cần thiết phải được trao cho Viện kiểm sát như chức năng tổ chức thực hiện điều tra thì pháp luật lại chưa quy định.

3) Những quan điểm và nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Việc hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự cần tuân theo những quan điểm sau:

Thứ nhất, đảm bảo quan điểm tổ chức thực hiện quyền lực Nhà nước, các yêu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và giữ vững bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, mở rộng tranh tụng theo hướng tiếp thu có chọn lọc những nhân tố hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng vào việc xây dựng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở những quan điểm định hướng nêu trên, quá trình hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn

xét xử sơ thẩm hình sự ở nước ta trong thời gian tới cần dựa trên các nguyên tắc cụ thể sau đây:

+ Bảo đảm pháp chế trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, bảo đảm sự thống nhất giữa nội dung và hình thức thể hiện của pháp luật. Do đó, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự cần phải đảm bảo sự phù hợp của các quy định pháp luật trong lĩnh vực này với quy định của Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan. Bảo đảm nguyên tắc pháp chế là góp phần đáp ứng tiêu chí về tính đồng bộ, nhất quán khi đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật.

+ Kiểm sát viên chỉ thực hiện những công việc thuộc về chức năng riêng có của Viện kiểm sát, những hoạt động có thể được thực hiện bởi các cơ quan khác thì không trao cho kiểm sát viên nhằm tránh chồng chéo và nâng cao hiệu quả công việc của kiểm sát viên. Nguyên tắc này cho thấy trước hết cần giao cho Viện kiểm sát thực hiện những công việc thực chức năng riêng có của cơ quan này. Chẳng hạn như chức năng thực hành quyền công tố. Đối với những chức năng khác cần nghiên cứu để xác định xem có thật cần thiết phải trao cho Viện kiểm sát hay không. Trong trường hợp những chức năng đó được thực hiện bởi các cơ quan khác có hiệu quả và khả thi hơn so với việc thực hiện của Viện kiểm sát thì nên loại bỏ chức năng đó khỏi hoạt động của cơ quan này.

+ Bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội trong tranh tụng. Nguyên tắc này có ý nghĩa rất lớn trong việc xác định địa vị tố tụng của bên buộc tội và bên bào chữa trong tố tụng hình sự. Ngang bằng về quyền năng tố tụng không có nghĩa là các bên được trao những quyền và nghĩa vụ như nhau. Điều này là không thể vì trong tố tụng hình sự các bên buộc tội và gỡ tội thực hiện những nhiệm vụ khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Do vậy, sự ngang bằng về quyền năng tố tụng phải được hiểu là sự tương xứng về các điều kiện để thực hiện quyền và nghĩa vụ đồng thời

những quyền và nghĩa vụ đó phải phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của mỗi bên trong tổ tụng hình sự.

+ Phân định rõ chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử trong tổ tụng hình sự. Nguyên tắc này phải được coi là một nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự nói riêng cũng như pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta nói chung.

4) Những giải pháp cơ bản hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn như đã phân tích ở trên, chúng tôi cho rằng để hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự thời gian tới cần thực hiện các giải pháp như sau:

Thứ nhất, trong thời gian trước mắt, khi chuta chuyển ngay Viện kiểm sát thành Viện Công tố thì cần thiết phải xác định lại một cách nhất quán việc quy định nhiệm vụ của kiểm sát viên trong kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Cần phải xác định rằng không phải mọi hành vi tuân thủ pháp luật cũng như thực hiện pháp luật diễn ra tại phiên tòa đều được coi là các hành vi của hoạt động tư pháp. Để xác định các hành vi nào liên quan đến hoạt động tư pháp cần phải căn cứ vào chủ thể thực hiện hành vi, nội dung và hình thức thực hiện hành vi đó. Cần bổ sung vào điều khoản giải thích từ ngữ của Bộ luật Tố tụng Hình sự khái niệm hoạt động tư pháp và cơ quan thực hiện các hoạt động tư pháp. Theo chúng tôi, các khái niệm này nên được diễn đạt như sau:

Hoạt động tư pháp là hoạt động xét xử của tòa án và hoạt động của các cơ quan khác có liên quan đến quá trình xét xử của tòa án. Những hoạt động đó mang tính quyền lực nhà nước, được thực hiện trong quá trình tố tụng, có liên quan trực tiếp đến quá trình giải quyết các vụ án.

Chủ thể có thẩm quyền thực hiện hoạt động tư pháp bao gồm: cơ quan điều tra, cơ quan công tố, cơ quan xét xử, cơ quan thi

hành án, cảnh sát tư pháp, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định tư pháp).

Trên cơ sở đó, cụ thể hóa quy định về giám sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa sơ thẩm hình sự vào trong các quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát như sau:

"Khi thực hiện công tác kiểm sát tư pháp các vụ án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm sát việc thực hiện pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân;

2. Kiểm sát việc thực hiện pháp luật của những chủ thể có thẩm quyền thực hiện các hoạt động tư pháp tại phiên tòa;

3. Kiểm sát các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

4. Yêu cầu Tòa án nhân dân cùng cấp và cấp dưới chuyển hồ sơ những vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị".

Quy định này sẽ thay thế cho Điều 18 của Luật Tổ chức Viện kiểm sát hiện hành.

Thứ hai, bổ sung các quy định pháp luật nhằm nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm của kiểm sát viên trong hoạt động tố tụng đáp ứng yêu cầu mở rộng tranh tụng tại phiên tòa và khắc phục tình trạng hành chính hóa các quan hệ tố tụng của Viện kiểm sát.

Cần sửa đổi Điều 217 Bộ luật Tố tụng Hình sự theo hướng kiểm sát viên dựa trên các diễn biến tranh tụng tại phiên tòa có quyền thay đổi tội danh trong cáo trạng và chịu trách nhiệm độc lập về kết luận vụ án mà không nhất thiết phải đề nghị hoãn phiên tòa để về xin ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát. Việc bổ sung quy định này nhằm khẳng định thẩm quyền và trách nhiệm tố tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa, khắc phục tình trạng kiểm sát viên tại phiên tòa hoạt động như là người phát ngôn và bảo vệ quan điểm của Viện trưởng Viện kiểm sát đã được thể hiện trong bản cáo trạng.

Bên cạnh đó cần sửa đổi Điều 104 Bộ luật Tố tụng Hình sự theo hướng chuyển chức năng của Hội đồng xét xử khởi tố vụ án tại phiên tòa sang cho kiểm sát viên giữ quyền

công tố tại tòa. Việc sửa đổi quy định này sẽ khắc phục được tình trạng tòa án thực hiện chức năng công tố của Viện kiểm sát đồng thời nâng cao vị thế độc lập và khả năng ứng phó kịp thời của kiểm sát viên trước diễn biến hành vi phạm tội tại phiên tòa.

Thứ ba, về lâu dài, cần bỏ quy định kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ kiểm sát các hoạt động tư pháp tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

Theo như phân tích ở trên thì một trong những nguyên tắc cơ bản trong việc hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của kiểm sát viên trong thời gian tới là kiểm sát viên chỉ thực hiện những công việc thuộc về chức năng riêng có của Viện kiểm sát, những hoạt động có thể được thực hiện bởi các cơ quan khác thì không trao cho Viện kiểm sát để tránh chồng chéo và nâng cao hiệu quả công tác của kiểm sát viên. Thực tế cho thấy rằng, hoạt động kháng nghị không phải là hoạt động kiểm sát tư pháp của kiểm sát viên tại phiên tòa mà là quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát. Hơn nữa, việc phát hiện và yêu cầu tòa án khắc phục các vi phạm pháp luật tại phiên tòa có thể được thực hiện bởi bị cáo, luật sư bào chữa và những người tham gia phiên tòa. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, Viện kiểm sát chỉ được coi là chủ thể có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố. Nếu như vậy thì trong tổ chức bộ máy nhà nước, không cần thiết phải trao quyền kiểm sát các hoạt động tư pháp cho Viện kiểm sát.

Hơn nữa, việc bỏ quy định kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ kiểm sát các hoạt động tư pháp tại phiên tòa sơ thẩm hình sự cũng phù hợp với định hướng hoàn thiện bộ máy nhà nước trong thời gian tới. Theo đó, Viện kiểm sát sẽ được chuyển thành Viện công tố³. Đồng thời, làm như vậy sẽ tạo cho kiểm sát viên tập trung vào việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Trong thực tế, giải pháp này đã và đang được các Nghị quyết của Đảng tính đến trong

chủ trương cải cách tư pháp từ nay đến năm 2020. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 “Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Theo tinh thần của các Nghị quyết này, chức năng của Viện kiểm sát sẽ tiếp tục phải được điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế và bảo đảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Nghị quyết số 48-NQ/TW khẳng định: “xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Nghiên cứu hướng tới chuyển thành Viện Công tố”. Nghị quyết số 49-NQ/TW nhấn mạnh: “Trước mắt Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện Kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án. Nghiên cứu việc chuyển Viện Kiểm sát thành Viện Công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra”. Như vậy, cả hai Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị đều xác định con đường phát triển của Viện Kiểm sát nhân dân trong những năm sắp tới là chuyển thành Viện Công tố. Điều này cho thấy rằng, chắc chắn trong thời gian tới, pháp luật tố tụng hình sự nước ta sẽ có những thay đổi để đáp ứng được chủ trương của Đảng đã được quy định trong các Nghị quyết quan trọng nói trên.

Thứ tư, trao quyền tổ chức thực hiện điều tra cho cơ quan Viện kiểm sát. Thực tế hiện nay cho thấy rằng Viện kiểm sát chỉ có vai trò thực sự đối với cơ quan điều tra trong trường hợp Viện kiểm sát được trao quyền phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ những quyết định của cơ quan điều tra. Ngoài ra, trong trường hợp phát hiện vi phạm trong quá trình điều tra, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm đó. Tuy

³ Hội Luật gia Việt Nam, Phạm Quốc Anh (chủ biên, 2006), *Những vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 1992 sửa đổi*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, trang 193.

(Xem tiếp trang 66)

- *Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm.*

Trong đổi mới Tòa án nêu trên, thiết lập Tòa án sơ thẩm khu vực là việc làm trước tiên. Tòa án này sẽ là nơi giải quyết cơ bản án sơ thẩm các loại. Nếu giải quyết tốt ở Tòa án sơ thẩm sẽ chấm dứt tình trạng án quá hạn luật định, giảm bớt kháng cáo, kháng nghị, từ đó án phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm sẽ giảm theo, đồng thời hạn chế oan sai, kịp thời giải quyết vụ án đúng luật định, tránh phiền hà cho người dân.

Mặt khác, việc sớm thành lập Tòa án sơ thẩm khu vực cũng là dịp để sàng lọc lại đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án, nhất là đội ngũ thẩm phán, đồng thời sẽ giảm bớt được các đầu mối để có điều kiện điều chỉnh, bổ sung biên chế kịp thời, tránh tình trạng như hiện nay nơi thì quá tải, nơi thì ít việc mà không thể điều tiết cho nhau được; giảm được biên chế ở khâu gián tiếp. Hơn nữa, thành lập Tòa án sơ thẩm khu vực sẽ có điều kiện nhanh chóng tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tránh được tình trạng phải đầu tư dàn mỏng cho các Tòa án quận, huyện.

Về quy mô của tòa sơ thẩm khu vực phải cân nhắc tính toán kỹ lưỡng về nhiều yếu tố như số lượng thụ lý án hàng năm; đặc điểm dân cư, đặc thù điều kiện kinh tế, xã hội từng

vùng, hướng phát triển trong tương lai, điều kiện địa hình phức tạp, vùng sâu, vùng xa để từ đó phân chia tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành bao nhiêu tòa sơ thẩm khu vực cho phù hợp, không máy móc chỉ căn cứ vào số lượng án thụ lý. Cơ cấu của Tòa án sơ thẩm khu vực cũng phải có các tòa chuyên trách về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính có thể coi Tòa án sơ thẩm khu vực là nền tảng cơ sở của hệ thống Tòa án.

Việc tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử sẽ kéo theo những thay đổi lớn về tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan điều tra, Viện kiểm sát; ảnh hưởng tới hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm vì vậy còn phải nghiên cứu trong tổng thể tổ chức bộ máy nhà nước, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của nước ta để có những bước đi thích hợp.

Nếu Tòa án được tổ chức theo thẩm quyền xét xử không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì việc quy định thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được sửa đổi như sau: khoản 1 Điều 170 BLTTHS ...

Tòa án sơ thẩm khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng trừ những tội phạm sau:

- a. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- b. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh

(Tiếp theo trang 63 – Hoàn thiện pháp luật)

nhien, nếu cơ quan điều tra không khắc phục thì Viện kiểm sát cũng không có biện pháp gì bởi chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát chỉ dừng lại ở đó. Viện kiểm sát không có quyền áp dụng chế tài đối với cơ quan điều tra. Tình trạng này sẽ được giải quyết nếu chúng ta chuyển cơ quan điều tra cho Viện kiểm sát quản lý. Làm như vậy sẽ giúp cho Viện kiểm sát có đủ thẩm quyền để buộc chủ thể vi phạm phải chấm dứt hoặc khắc phục các hậu quả do hành vi vi phạm đó gây ra.

Thứ năm, nâng cao năng lực chuyên môn, bản lĩnh nghề nghiệp của kiểm sát viên. Bên cạnh đó, cần mở rộng nguồn tuyển chọn kiểm

sát viên. Trong thời gian tới cần chuyển sang chế độ thi tuyển quốc gia đối với ứng viên chức danh kiểm sát viên. Đồng thời bổ nhiệm kiểm sát viên theo các ngạch tương ứng với thẩm quyền công tố (sơ thẩm, phúc thẩm, tối cao). Nghiên cứu áp dụng phương án bổ nhiệm không kỳ hạn đối với kiểm sát viên đặc biệt là kiểm sát viên của Viện công tố Trung ương⁴.

⁴ TS. Ưông Chu Lưu, Chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước (2001 – 2005), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu: cải cách các cơ quan tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của tòa án trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.